

Bản án số: **183/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 12/7/2022.

V/v Tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Trần Văn Nhu**.

+ Ông **Lý Minh Hùng**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Bùi Quốc Hiên** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 289/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Bích L**, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Anh **Trần Thanh N**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

ĐKKHKT: Ấp N, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 05/4/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích L trình bày:**

- Chị với anh Trần Thanh N cưới nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Anh chị chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, vợ chồng thường xảy ra sung đột, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên đã ly thân từ đó đến nay không hàn gắn

được tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Anh chị có 03 con chung tên Trần Quốc T, sinh ngày 18/6/2010; Trần Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 27/6/2011 và Trần Thanh T, sinh ngày 12/7/2018. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 03 người con chung. Không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung; nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Trần Thanh N dù được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu xin ly hôn của chị L; Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và được triệu tập họp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của anh cũng như yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Chị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc hôn nhân của chị với anh Trần Thanh N, anh N có địa chỉ tại ấp N, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đối với anh Trần Thanh N dù được Tòa án thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu xin ly hôn của chị L và được triệu tập họp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của anh, cũng như yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị L và anh N cưới nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Cái Bè. Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Theo chị L khai là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Do anh N thường xuyên rượu chè, không chăm lo gia đình và khi có rượu thường hay bạo hành gia đình mắng chửi chị, nên vợ chồng thường xảy ra sung đột nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị không còn tình cảm với anh N nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Xét thấy chị L với anh N cưới nhau năm 2009 có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống đến năm 2020 thì ly thân,

từ đó đến nay anh chị cũng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị L cương quyết ly hôn, còn anh N vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị L, xem như anh N từ bỏ việc bảo vệ quyền lợi cho anh. Nhận thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L cho chị được ly hôn với anh N là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: Anh chị có 03 người con chung tên Trần Quốc T, sinh ngày 18/6/2010; Trần Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 27/6/2011 và Trần Thanh T, sinh ngày 12/7/2018. Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi 03 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy từ khi ly thân đến nay chị L là người nuôi dưỡng con chung của anh chị đã ổn định và phát triển bình thường. Mặt khác con chung anh chị tên Trần Quốc T và Trần Ngọc Quỳnh Như cũng có bản tự khai đề ngày 09/5/2022 gửi cho Tòa án có ý kiến là được sống chung với chị L nếu cha mẹ ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị L là giao 03 người con chung của anh chị cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong vụ án này do chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, nên anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

- *Về tài sản chung; nợ chung*: Chị L khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn anh N không có ý kiến gì. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích L.

- Cho chị Nguyễn Thị Bích L được ly hôn với anh Trần Thanh N.

2. Về con chung: Giao 03 người con chung của anh chị tên Trần Quốc T, sinh ngày 18/6/2010; Trần Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 27/6/2011 và Trần Thanh T, sinh ngày 12/7/2018 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0009615, ngày 15/4/2022 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã M;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

PHẠM THANH DŨNG